Mẫu in: C2040.004

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3434/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Cơ khí công nghệ
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7510201
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Chuyên Ngành: Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202109	Toán cao cấp A2	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
3	202201	Vật lý 1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
4	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
5	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
6	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
7	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
8	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
9	202110	Toán cao cấp A3	3	45	45	0	0	0	0	1	2	202109		
10	202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	1	30	0	30	0	0	0	1	2			
11	202206	Vật lý 2	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202201		
12	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2	202501		
13	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
14	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
15	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
16	200202	Quân sự (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	2	1			
17	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202110		
18	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
19	200105	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3434/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Cơ khí công nghệ
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7510201
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Chuyên Ngành: Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Cộng			*45*	*810*	*570*	*150*	*90*	*0*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202620	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
2	208438	Quản trị dự án	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
Cộng			*4*	*60*	*60*	*0*	*0*	*0*	*0*					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	207240	Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản NSTP	1	15	15	0	0	0	0	1	1			
2	207138	Vẽ kỹ thuật 1	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
3	207140	Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
4	207113	Sức bền vật liệu	3	45	45	0	0	0	0	2	1	207140		
5	207139	Vẽ kỹ thuật 2	2	30	30	0	0	0	0	2	1	207138		
6	207141	Động học và động lực học cơ cấu	2	30	30	0	0	0	0	2	1	207140		
7	207152	Kỹ thuật điện	3	60	30	30	0	0	0	2	1	202206		
8	207202	Cơ lưu chất	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202206		
9	207100	Chi tiết máy	3	45	45	0	0	0	0	2	2	207141 207113		
10	207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	2	45	15	30	0	0	0	2	2	202206		
11	207150	Vật liệu kỹ thuật	2	30	30	0	0	0	0	2	2	207113		
12	207239	Cơ sở truyền nhiệt	3	45	45	0	0	0	0	2	2	202206		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3434/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Cơ khí công nghệ
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7510201
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Chuyên Ngành: Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
13	207802	Máy điện & khí cụ điện	3	45	45	0	0	0	0	2	2	207152		
14	207137	Công nghệ chế tạo máy	2	30	30	0	0	0	0	3	1	207150 207107		
15	207151	Đồ án chi tiết máy	2	60	0	0	0	60	0	3	1	207100		
16	207426	Cơ sở kỹ thuật lạnh	3	60	30	30	0	0	0	3	1	207239		
17	207535	Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén	3	60	30	30	0	0	0	3	1	207802		
Cộng			*42*	*720*	*540*	*120*	*0*	*60*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	207117	AutoCAD	2	45	15	30	0	0	0	2	1	207138		
2	207605	Kỹ thuật lập trình	2	45	15	30	0	0	0	2	1			
3	207615	Phương pháp số	2	45	15	30	0	0	0	2	1			
4	207125	ỨD tin học trong thiết kế máy	2	45	15	30	0	0	0	2	2	207139		
5	207509	Mô phỏng và mô hình hệ thống	2	45	15	30	0	0	0	2	2	207605		
Cộng			*10*	*225*	*75*	*150*	*0*	*0*	*0*					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	207221	PP bố trí thí nghiệm & XLSL	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202121		
2	207127	Thực tập gia công hàn - nguội	2	60	0	0	60	0	0	3	1	207150		
3	207242	Máy chế biến nông sản - thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	1	207100		
4	207417	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	60	30	30	0	0	0	3	1	207239		
5	207126	Thực tập gia công cắt - gọt	2	60	0	0	60	0	0	3	2	207137		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3434/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Cơ khí công nghệ
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7510201
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Chuyên Ngành: Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
6	207217	Máy nâng chuyền	2	30	30	0	0	0	0	3	2	207242		
7	207222	Kỹ thuật sấy	3	60	30	30	0	0	0	3	2	207417		
8	207233	Cơ sở kỹ thuật thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	207426		
9	207244	ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	3	2	207242		
10	207251	Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	207417		
11	207255	Đồ án kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm	1	45	0	0	0	45	0	3	2	207251		
12	207154	Thực tập gia công Cắt - gọt CNC	2	2	0	0	2	0	0	4	1	207126		
13	207223	Thực tập sản xuất	2	60	0	60	0	0	0	4	1	207242		
14	207252	Bảo dưỡng máy	2	60	0	60	0	0	0	4	1	207242		
15	207254	Đồ án thiết bị sấy	1	1	0	0	0	1	0	4	1	207222		
16	207342	Anh văn kỹ thuật	3	45	45	0	0	0	0	4	1	213604		
Cộng			*35*	*723*	*255*	*270*	*122*	*76*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 18 TC														
1	207120	Vật liệu phi kim loại	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
2	207547	Kỹ thuật hệ thống	2	30	30	0	0	0	0	2	2	207605		
3	207701	An toàn lao động& MT CN	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
4	207253	ĐKTĐ trong máy chế biến	2	45	15	30	0	0	0	3	2	207535		
5	207343	Số hóa hệ thống sản xuất	2	45	15	30	0	0	0	3	2	207535		
6	207403	Kỹ thuật lạnh thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	3	2	207426		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Mẫu in: C2040.004

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3434/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Mã ngành: 7510201
Khoa đào tạo: Cơ khí công nghệ
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Chuyên Ngành: Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
7	207406	Lò hơi công nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	3	2	207417		
8	207407	Lý thuyết cháy	2	30	30	0	0	0	0	3	2	207417		
9	207516	PLC & ứng dụng	3	60	30	30	0	0	0	3	2	207535		
10	207603	Kỹ thuật CAD,CAM,CNC	3	60	30	30	0	0	0	3	2	207125		
11	207241	Công nghệ & thiết bị chế biến hạt ngũ cốc	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207242		
12	207245	Máy & thiết bị phân ly	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207242		
13	207246	Máy & thiết bị thủy khí	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207242		
14	207247	Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207242		
15	207401	Bơm quạt máy nén	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207426		
16	207404	Kỹ thuật điều hòa không khí	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207426		
17	207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	3	60	30	30	0	0	0	4	1	207417		
Cộng			*43*	*810*	*480*	*330*	*0*	*0*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	207248	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	45	45	0	0	0	0	4	2			
2	207257	Chuyên đề tốt nghiệp 2	3	45	45	0	0	0	0	4	2			
3	207258	Tiểu luận tốt nghiệp	6	90	0	0	0	90	0	4	2			
4	207260	Khóa luận tốt nghiệp	12	180	0	0	0	0	180	4	2			
Cộng			*24*	*360*	*90*	*0*	*0*	*90*	*180*					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 122

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 36

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 2 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)

2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + phải đạt thêm tối thiểu 6 TC của các học phần nhóm tự chọn chuyên ngành 0302

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

Lưu ý: Ngoài số 158 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 11 tháng 11 năm 2020

Hiệu Trưởng

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

Trưởng Phòng Đào Tạo

Trưởng Khoa/ Bộ môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích